TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HS-ST
Ngày 05-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quang Thanh

Ông Vũ Đình Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Danh Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05/6/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2020/HSST ngày 02 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/HSST-QĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh năm 1991 tại Khánh Hòa; nơi ĐKHKTT: thôn P, xã CT, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: thôn P, xã CT, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1965 và con bà Lê Thị H, sinh năm 1964; vợ, con: chưa. Tiền án, tiền sự: chưa

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Cao Thị Thanh T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện K, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

2. Ông Cao Vĩnh Hà L, sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện K, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

1. Bà Mai Thị Thanh T, sinh năm: 1971; nơi cư trú: Thôn D, xã B, huyện K, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

2. Bà Lê Thị H, sinh năm: 1963; nơi cư trú: Thôn P, xã CT, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

3. Ông Trương Bá G, sinh năm: 1989 và bà Nguyễn Thị Linh Đ, sinh năm: 1990; cùng nơi cư trú: 2/21/15 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, phường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Ông G và bà Đa có đơn xin xét xử vắng mặt

4. Ông Phạm Trần Thế D, sinh năm: 1985; nơi cư trú: 15/8 Khu máy nước, phường Phước Tân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

5. Ông Phạm Minh H, sinh năm: 1990; nơi cư trú: số 11 Nguyễn Thượng Hiền, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

6. Ông Tô Thanh H, sinh năm: 1978; nơi cư trú: 395 Điện Biên Phủ, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

7. Ông Hồ Ngọc M, sinh năm: 1970; nơi cư trú: 29 hẻm 8547/13 Lương Định Của, phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

8. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Xóm 2, xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; tạm trú: thôn Khánh Thành Nam, xã Suối Cát, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Người làm chứng:*

9. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1997; nơi cư trú: Thôn Dốc Trầu, xã B, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

10. Ông Mai Văn L, sinh năm: 1985; nơi cư trú: 11/23 Phương Sài, phường Phước Sơn, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

11. Ông Mai Văn T, sinh năm: 1987; nơi cư trú: 11/23 Phương Sài, phường Phước Sơn, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

12. Bà Mai Thị T, sinh năm: 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố Bãi Giếng 2, thị trấn Cam Đức, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 26/12/2019, Nguyễn Minh T đến phòng trọ của bạn gái là Cao Thị Thanh T tại thôn Đồng Cau, xã Suối Tân, huyện C để chở T ra Nha Trang làm việc. Do đang cần tiền trả nợ nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 79K1-043.60 của T, xe này do mẹ T là bà Mai Thị Thanh T đứng tên chủ sở hữu đem thế chấp. Trước khi đi, T bảo T mang theo giấy tờ xe. Khi chở T đến nơi làm việc, T nói với T cho T mượn xe đi khám bệnh chiều sẽ quay lại đón thì T đồng ý. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T gọi điện hỏi T đang ở đâu thì T nói dối đang chở mẹ đi Phan Rang thăm cô, chiều sẽ về. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đến tiệm cầm đồ "Trường G" ở số 966 Lê Hồng Phong, thành phố Nha Trang. Khi đến nơi, T lấy giấy tờ xe mô tô và bản sao hộ khẩu gia đình T đưa cho Phạm Trần Thế D là quản lý tiệm cầm đồ. Anh D đã chụp hình các giấy tờ xe bằng điện thoại rồi gởi cho anh Trương Bá G chủ tiệm cầm đồ. Nhận ra T là thông gia với mình nên anh G đã tin tưởng nhận thế chấp xe mô tô 79K1-043.60 với giá 12.000.000 đồng. Sau khi nhận

tiền thế chấp xe mô tô, T bắt xe ôm đến trụ ATM của Ngân hàng Đông Á ở đường 2/4, thành phố Nha Trang nộp toàn bộ số tiền thế chấp được vào tài khoản của mình, rồi sau đó chuyển khoản cho anh Châu Đình N, trú tại ấp 5, xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau để trả nợ rồi T đón xe bus về nhà. Đến chiều không thấy T quay lại đón mình nên T gọi điện thoại hỏi thì T nói dối đang còn ở Phan Rang do có gió mạnh và đã uống rượu bia nên mẹ không cho về. Sau đó, T kể cho mẹ mình nghe là bà Lê Thị H nghe việc đã thế chấp xe mô tô của T để lấy tiền trả nợ và nhờ bà H nói dối để T tin tưởng. Những ngày sau, T tiếp tục hỏi T về chiếc xe mô tô thì T nói dối xe bị tai nạn và công an đang tạm giữ. Khoảng 80 giờ 00 phút ngày 07/01/2020, khi T đang ở một mình tại phòng trọ của T thì anh Cao Vĩnh Hà L là anh Trai của T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 79K1-042.58 chở Nguyễn Quốc Toàn bạn L đến chơi. Sau khi gặp nhau, T rủ anh L và Toàn đi uống cà phê. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày thì cả ba về lại phòng trọ của T. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh L đem đi thế chấp nên nói với anh L cho T mượn xe đi Phan Rang lấy tiền. Anh L nói để anh L chở đi, sẵn tiện chở Toàn tới xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh để Toàn đón xe về huyện Khánh Sơn nhưng T nói đi đông người sợ cô của mình la nên T bảo để T chở Toàn đi và hẹn 16 giờ chiều cùng ngày sẽ đem xe về trả nên anh L đồng ý. Để thế chấp được xe, T nói anh L cho T mượn giấy đăng ký xe, chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của anh L. Sau khi chở Toàn vào tới xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, T điều khiển xe quay về lại hướng Nha Trang đến tiệm cầm đồ số 122 đường Lương Định Của, thành phố Nha Trang. Vào trong tiệm, T đưa giấy đăng ký xe, chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của anh L cho anh Phạm Minh H là quản lý tiệm cầm đồ. Do thấy hình trong chứng minh nhân dân của anh L bị mờ, anh HL nghĩ T là chủ sở hữu xe nên anh HL gọi điện thoại báo anh Tô Thanh Hùng là chủ tiệm cầm đồ là xe có đầy đủ giấy tờ nên anh Hùng đã đồng ý nhận thế chấp xe mô tô 79K1-042.58 với giá 28.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền thế chấp xe mô tô, T đến trụ ATM của Ngân hàng Đông Á ở đường 2/4, thành phố Nha Trang nộp toàn bộ số tiền 27.500.000 đồng vào tài khoản của mình, rồi sau đó chuyển khoản 26.000.000 đồng cho anh L D Hảo, trú tại 462 khu vực 3, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ; chuyển 700.000 đồng cho anh Nguyễn Văn T, trú thôn Khánh Thành Nam, xã Suối Cát, huyện C và chuyển 700.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Như Quỳnh, trú thôn Bắc Vĩnh, xã Cam HL Tây, huyện C để trả nợ. Số tiền 100.000 đồng còn lại trong tài khoản của T đã bị trừ vào dịch vụ chuyển khoản. Số tiền 500.000 đồng còn lại, T tiêu xài cá nhân H. Chiều cùng ngày, T biết việc anh L cho T mượn xe mô tô nên đã gọi điện thoại cho T nhưng không được. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T nhắn tin cho T nói dối xe mô tô của anh L bị xiết nợ nên T hứa sẽ kiếm tiền chuộc xe để hẹn gặp T. Sáng ngày 08/01/2020, T gặp T cùng anh Mai Văn L, Mai Văn T là cậu họ của T tại quán cà phê "Bách Viên" ở đường 2/4, phường Phương Sơn, thành phố Nha Trang. Sợ ồn ào tại quán nên anh Lập cùng mọi người về nhà mình nói chuyện. Tại đây, T thừa nhận đã đem xe mô tô của T và anh L đem đi thế chấp nên anh T gọi điện thoại báo công an phường Phương Sơn đến tiếp nhận và chuyển cho công an huyện C thụ lý.

Ngày 14/02/2020, Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C kết luận: Gía trị xe mô tô nhãn hiệu Vision, biển kiểm soát 79K1-043.60 là 27.360.000 đồng; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 79K1-042.58 là 42.720.000 đồng.

Sau khi phạm tội, Nguyễn Minh T đã thành khẩn khai báo, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho các bị hại.

Cáo trạng số 09/CT-VKSCL ngày 02/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Minh T khai nhận hành vi đúng như nội dung bản cáo trạng, nhưng xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ N quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Minh T theo tội danh, khung hình phạt như trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; về trách nhiệm dân sự: các bị hại không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết và buộc bị cáo T pHL trả cho anh Trương Bá G số tiền 12.000.000 đồng và trả cho anh Tô Thanh Hùng số tiền 28.000.000 đồng từ việc cầm cố các xe mô tô; về xử lý vật chứng: vật chứng của vụ án đã được trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bà Lê Thị H biết bị cáo T đem xe mô tô của T đi thế chấp nhưng không tố giác mà giúp T nói dối với T để che dấu hành vi phạm tội của T. Nhưng do bà H là mẹ ruột của T và tội phạm do T thực hiện là tội phạm nghiêm trọng nên hành vi của bà H không cấu thành tội phạm.

- Anh Phạm Trần Thế D, anh Trương Bá G, anh Phạm Minh HL, anh Tô Thanh Hùng khi nhận thế chấp xe mô tô của T và L không biết đó là các xe do bị cáo T phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

- Anh Nguyễn Văn Trường có nhận được số tiền 700.000 đồng do T chuyển khoản trả nợ nhưng không biết số tiền đó là do T phạm tội mà có và đã chuyển số tiền trên cho vợ nên không có căn cứ để xử lý.

- Anh Châu Đình N, anh L D Hảo, chị Nguyễn Thị Như Q, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng hiện không rõ ở đâu nên không thể làm rõ nguồn gốc số tiền để thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại Cao Thị Thanh T; người có quyền lợi, N vụ liên quan Mai Thị Thanh T, Lê Thị H, Phạm Trần Thế D, Phạm Minh HL, Tô Thanh H, Hồ Ngọc Minh và người làm chứng Nguyễn Quốc T, Mai Văn L, Mai Văn T, Mai Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Bị hại Cao Vĩnh Hà L, người có quyền lợi, N vụ liên quan Trương Bá G, Nguyễn Thị Linh Đ, Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Với ý định chiếm đoạt tài sản, vào ngày 26/12/2019 và ngày 07/01/2020 bị cáo Nguyễn Minh T đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm tạo lòng tin để chị Cao Thị Thanh T và anh Cao Vĩnh Hà L giao tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision, biển kiểm soát 79K1-043.60 có giá trị là 27.360.000 đồng; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 79K1-042.58 có giá trị là 42.720.000 đồng, sau đó đem chiếc xe mô tô của chị T và anh L đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 70.080.000 đồng nên bị cáo pHL chịu tình tiết định khung "chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng". Hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm nhân dân huyện C truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý nên cần pHL áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên pHL chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội hai lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại giai đoạn điều tra thì bị hại Cao Thị Thanh T, Cao Vĩnh Hà L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu; người có quyền lợi, N vụ liên quan Mai Thị Thanh T, Lê Thị H, Phạm Trần Thế D, Phạm Minh HL, Hồ Ngọc M, Nguyễn Thị Linh Đ không có yêu cầu. Tại phiên tòa họ vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan anh Trương Bá G yêu cầu trả số tiền cầm cố xe mô tô biển số 79K1-043.60 là 12.000.000 đồng và anh Tô Thanh Hùng yêu cầu trả số tiền cầm cố xe mô tô biển số 79K1-042.58 là 28.000.000 đồng. Bị cáo T cũng đồng ý trả số tiền nói trên khi có tiền. Do vậy, cần buộc bị cáo T pHL trả cho anh Trương Bá G số tiền 12.000.000 đồng và trả cho anh Tô Thanh Hùng số tiền 28.000.000 đồng là phù hợp với Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án được trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số: 04 ngày 23.3.2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C là phù hợp với quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Đối với bà Lê Thị H mặc dù biết Nguyễn Minh T đem xe mô tô của Cao Thị Thanh T đi thế chấp nhưng không tố giác mà giúp T nói dối với T để che dấu hành vi phạm tội của T; nhưng do bà H là mẹ ruột của T và tội phạm do T thực hiện là tội nghiêm trọng nên hành vi của bà H không cấu thành tội phạm.

- Đối với hành vi của Phạm Trần Thế D, Trương Bá G, Phạm Minh HL, Tô Thanh H khi nhận thế chấp xe mô tô 79K1-043.60 và xe mô tô 79K1-042.58 đã không biết đó là các xe mô tô do Nguyễn Minh T phạm tội mà có nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đối với anh Nguyễn Văn T, vào ngày 07/01/2020, anh Trường nhận được số tiền 700.000 đồng do Nguyễn Minh T chuyển khoản trả nợ nhưng không biết số tiền đó là do T phạm tội mà có. Đến ngày 13/01/2020, anh Trường đã chuyển số tiền trên cho vợ nên không có căn cứ để xử lý, thu giữ.

[9] Về án phí: Bị cáo pHL chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Minh T pHL trả cho anh Trương Bá G số tiền là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) và trả cho anh Tô Thanh Hùng số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh T pHL chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pHL thi hành án còn pHL chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pHL thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pHL thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
-Viện KSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
-Viện KSND huyện C;
- Công an huyện C;
-Thi hành án dân sự huyện C;
-Bị cáo;bị hại; NLQ;
-Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Mỹ Hạnh